

Bản án số: 33/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 22/8/2022

V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN THÀNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quế;

Ông Nguyễn Văn Đức.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2022/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đoàn Xuân T, sinh năm 1948.

HKTT: Xóm 3, Bến H, thị trấn H, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

(Có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957.

HKTT: Thôn Tử N, xã Minh Đ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện đang tạm trú tại: Xóm 3, Bến Hồ, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phía nguyên đơn là ông Đoàn Xuân T trình bày: Ông chung sống với bà Nguyễn Thị H từ tháng 10/1987 trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương tuy nhiên giữa ông và bà H không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới bà H về chung sống cùng ông ngay. Vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ đầu năm 2017 thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, ông đã bỏ đến nhà con gái ông ở khoảng 01 năm, sau đó ông lại quay về nhưng giữa ông và

bà H lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và tranh cãi nhau. Từ đầu năm 2022 đến nay, mặc dù ông và bà H vẫn sống chung nhà nhưng vợ chồng đã ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay ông xác định ông không thể tiếp tục chung sống cùng bà H nữa nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung là Đoàn Diễm T1, sinh năm 1988 và Đoàn Xuân T2, sinh năm 1991. Hiện nay cả 02 con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Ông xác nhận ông và bà H có tài sản chung là 01 thửa đất có diện tích 76,5 m² tại xóm 3, Bến H, thị trấn H, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, trên đất là 01 ngôi nhà cấp bốn lợp mái Prôximăng hiện nay ông và bà H vẫn đang ở. Nguồn gốc thửa đất là của vợ chồng ông mua của ông Nguyễn Văn T3 ở thôn Lạc Thổ Bắc, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh từ năm 1999 với giá 10 triệu đồng. Khi mua giữa ông và ông T3 có viết Giấy chuyển nhượng và ông T3 có giao cho ông 01 Bản Hợp đồng thuê địa điểm để mở cửa hàng dịch vụ ngày 15/8/1993 giữa UBND xã Song Hồ và ông Nguyễn Văn T3. Tuy nhiên cho đến nay thửa đất chưa được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì vậy ông không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản.

Về công nợ: Ông xác nhận vợ chồng ông không có nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà kết hôn với ông Đoàn Xuân T tháng 10 năm 1987, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Gia Đông, huyện Thuận Thành. Tại thời điểm đó bà đang công tác tại Phòng giáo dục huyện Thuận Thành, còn ông T đang công tác tại Phòng thương nghiệp huyện Thuận Thành. Sau khi kết hôn bà và ông T về chung sống cùng nhau ngay, vợ chồng sống hòa thuận một thời gian dài cho đến khoảng năm 2015 - 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà và ông T không hợp nhau, luôn xảy ra bất đồng dẫn đến thường xuyên tranh cãi nhau. Từ đầu năm 2022 bà và ông T đã sống ly thân và không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay ông T làm đơn ly hôn, bà cũng xác định tình cảm giữa bà và ông T không còn nên bà cũng đồng ý.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung như ông T trình bày là đúng. Hiện nay cả 02 con đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Bà xác nhận bà và ông T có tài sản chung là 01 thửa đất có diện tích khoảng 128m² tại xóm 3, Bến Hồ, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Trên đất là 01 ngôi nhà cấp 4, lợp Prôximăng và nguồn gốc thửa đất như ông T trình bày mua của ông Nguyễn Văn T3 từ năm 1999 là đúng. Khi mua thửa đất này của ông T3 thì thửa đất thực tế chỉ có khoảng hơn 70m² nhưng trong quá trình sử dụng thì vợ chồng bà có lấn sang đất ao tập thể nên chính quyền đã đo đạc thành

128m², hàng năm gia đình bà vẫn nộp thuế theo diện tích này. Thửa đất có mặt đường (hướng Tây) giáp đường xuống bến phà Hồ cũ rộng khoảng 4,5m; Phía Bắc giáp nhà bà Hoa (chồng là Bộ) dài khoảng 28m; Phía Nam giáp nhà bà H1 (bà H1 không có chồng) dài khoảng 28m; Phía Đông giáp ao tập thể rộng khoảng 4,5m.

Khi vợ chồng ly hôn, bà đề nghị Tòa án chia đôi thửa đất theo pháp luật để bà lấy chỗ để ở.

Bà xác nhận thửa đất này là tài sản của bà và ông T, hai con chung của bà và ông T không có công sức gì đóng góp vì tại thời điểm vợ chồng bà mua đất và xây nhà các con đều còn nhỏ.

Về công nợ: Vợ chồng bà không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định và định giá tài sản tranh chấp theo quy định của pháp luật.

* Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26 tháng 7 năm 2022 và kết quả đo đạc xác định:

- Theo Bản đồ địa chính năm 2010 thì thửa đất tại xóm 3, Bến Hồ, thị trấn Hồ hiện ông T, bà H đang sử dụng thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 21, diện tích 128,6m².

- Theo kết quả đo đạc hiện trạng thì thửa đất tại xóm 3, Bến Hồ, thị trấn Hồ hiện ông T, bà H đang sử dụng thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 21, diện tích 124,5m² và có tứ cận như sau: Phía Đông giáp ao của tập thể dài 4,6m; Phía Tây giáp đường đi dài 4,6m; Phía Nam giáp thửa đất của gia đình bà H1 - Ước dài 28,42m; Phía Bắc giáp thửa đất của gia đình bà H1 - Bộ dài 28,42m.

- Tài sản trên đất là 01 ngôi nhà cấp 4 lợp Prôximăng có diện tích 41m², phía trước ngôi nhà có lợp mái tôn có diện tích 27,1m², phía sau ngôi nhà có 01 lán có diện tích 564m².

* Tại Biên bản định giá tài sản ngày 26/7/2022, Hội đồng định giá đã quyết định:

- + Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 21, diện tích 124,5m² tại xóm 3, Bến Hồ, thị trấn Hồ hiện ông T, bà H đang sử dụng có giá 15.000.000đ/ 1m². Như vậy thửa đất có giá là: 124,5m² x 15.000.000đ/1m² = 1.867.500.000đồng.

- + Tài sản trên đất là 01 ngôi nhà cấp 4 lợp Prôximăng, phía trước ngôi nhà có lợp mái tôn, phía sau ngôi nhà có 01 lán ông T, bà H xây dựng năm 1999. Đến nay đã hết giá trị sử dụng do vậy Hội đồng định giá không xác định giá tài sản trên đất.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn là ông Đoàn Xuân T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà H và ông không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung. Tuy nhiên nếu bà H đề nghị Tòa án chia đôi thửa đất thì ông cũng đồng ý.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị H đồng ý ly hôn với ông T và giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án chia đôi thửa đất để bà lấy chỗ ở vì bà cũng đã nhiều tuổi, không có khả năng kinh tế để trích trả ông T giá trị thửa đất bằng tiền.

Kiểm sát viên phát biểu và kết luận về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của UBTVQH về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 14, 15, 16, 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2015; Điểm đ khoản 1, 2 Điều 12, Điều 15; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH xử:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đoàn Xuân T và bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Không xem xét giải quyết do hai con chung của ông Đoàn Xuân T và bà Nguyễn Thị H đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung là 01 thửa đất có diện tích 128m² tại xóm 3, Bến Hồ, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh và tài sản trên đất là 01 ngôi nhà cấp 4, lợp Prôximăng của bà Nguyễn Thị H đối với ông Đoàn Xuân T.

Về công nợ: Không đặt ra xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

Về án phí, chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn cho ông T và tiền án phí chia tài sản cho bà H. Bà H phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Đoàn Xuân T chung sống với bà Nguyễn Thị H từ tháng 10/1987 trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi cưới bà H về chung sống cùng ông T ngay. Theo như ông T trình bày giữa ông và bà H không đăng ký kết hôn. Tuy nhiên theo bà H trình bày thì bà và ông T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh nhưng do thời gian đã lâu nên bà đã làm thất lạc Giấy chứng nhận kết hôn nên không có để giao nộp cho Tòa án.

Phía ông T đã cung cấp cho Tòa án tài liệu do UBND xã Song Hồ xác nhận: Trong Sổ kết hôn năm 1987 đang lưu giữ tại xã Song Hồ không có tên ông Đoàn Xuân T, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Gia Đông và được UBND xã Gia Đông cung cấp: Hiện tại UBND xã Gia Đông chỉ còn lưu giữ Sổ đăng ký kết hôn từ năm 1997 đến nay. Còn từ năm 1997 trở về trước thì UBND xã Gia Đông không còn lưu giữ do vậy việc ông Đoàn Xuân T, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957 năm 1987 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Gia Đông hay không thì UBND xã không biết.

Xét yêu cầu ly hôn của ông Đoàn Xuân T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà H xác lập từ tháng 10/1987 nhưng hai bên không đăng ký kết hôn. Phía bà H trình bày bà và ông T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Gia Đông nhưng đến nay bà H cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bà và ông T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Gia Đông. Căn cứ vào Nghị quyết 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2015, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà H mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đoàn Xuân T và bà Nguyễn Thị H. Nếu các đương sự có yêu cầu về con chung và tài sản chung theo quy định tại Điều 14, 15, 16 Luật Hôn nhân gia đình năm 2015.

[2] Về con chung: Ông T và bà H có 02 con chung là Đoàn Diễm T1, sinh năm 1988 và Đoàn Xuân T2, sinh năm 1991. Hiện nay cả 02 con đã trưởng thành và các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông T và bà H đều xác nhận ông, bà có tài sản chung là 01 thửa đất có diện tích khoảng 128m², trên đất là 01 ngôi nhà cấp 4, lợp Prôximăng tại xóm 3, Bến Hồ, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Hiện nay ông T và bà H vẫn đang cùng sử dụng. Về nguồn gốc thửa đất như ông T trình bày mua của ông Nguyễn Văn Tý từ năm 1999. Khi mua thửa đất này của ông Tý thì thửa đất thực tế chỉ có khoảng hơn 70m² nhưng trong quá trình sử dụng thì ông, bà có lấn sang đất ao tập thể nên chính quyền đã đo đạc thành 128m², hàng năm ông, bà vẫn nộp thuế theo diện tích này. Tuy nhiên hiện nay thửa đất chưa được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khi ly hôn bà H đề nghị Tòa án chia đôi thửa đất theo pháp luật để bà có chỗ ở.

Phía ông T mặc dù không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung khi ly hôn tuy nhiên nếu bà H yêu cầu chia thửa đất thì ông T cũng nhất trí và ông cũng đề nghị Tòa án chia đôi thửa đất để ông lấy chỗ ở vì ông cũng đã nhiều tuổi, không có khả năng kinh tế để trích trả bà H giá trị thửa đất bằng tiền.

Qua xem xét yêu cầu chia tài sản chung của bà H là thửa đất tại xóm 3, Bến Hồ, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh và tài sản trên đất là 01 ngôi nhà cấp 4,

lộ Prôximăng tại xóm 3 (hiện nay ông T và bà H vẫn đang sử dụng). Hội đồng xét xử xét thấy:

* Về nguồn gốc thửa đất: Các đương sự đều xác nhận mua của ông Nguyễn Văn Tý từ năm 1999. Căn cứ ông T giao nộp gồm:

+ 01 Giấy chuyển nhượng đất viết tay ngày 06/5/99 với nội dung ông Nguyễn Văn Tý chuyển nhượng cho ông Đoàn Xuân T miếng đất từ ngã tư tới bên phà thuộc ô số 6, lô số 3 theo hợp đồng của xã, tổng diện tích là 76,5m². Phía Bắc giáp: Nguyễn Thị Hoa; Phía Nam giáp: Lê Thị Hoa; Phía Đông giáp: ao tập thể; Phía Tây giáp: đường 288, có chiều dài bóm đường là 4,5m; Chiều sâu từ đường vào là 17,0m. Với giá 10.000.000 đồng. Ông Tý xác nhận đã nhận đủ số tiền trên và từ ngày 06/5/99 ô đất sẽ thuộc quyền sử dụng của ông T.

+ 01 Hợp đồng cho thuê địa điểm để mở cửa hàng dịch vụ ngày 15/8/1993 của UBND xã Song Hồ với nội dung: UBND xã Song Hồ cho ông Nguyễn Văn Tý được thuê 76,5m² để mở cửa hàng dịch vụ tại khu vực phía đông đường 288 từ ngã tư đến bãi xóm Bãi cho đến khi nhà nước cần sử dụng đến. Danh giới được xác định như sau: Phía Bắc giáp: Nguyễn Thị Hoa; Phía Nam giáp: Lê Thị Hoa; Phía Đông giáp: ao tập thể; Phía Tây giáp: đường 288. Cách tim đường 288 là 11m, có chiều dài bóm đường là 4,5m; Chiều sâu là 17,0m. Trong hợp đồng còn nêu rõ: Khi mở cửa hàng dịch vụ ông Tý phải thực hiện sử dụng đúng mô, mốc, danh giới, diện tích đất đã cho thuê, chỉ được xây nhà theo quy định chung. Chấp hành nghiêm chỉnh chính sách thuế và pháp luật của nhà nước không được chuyển đổi tự do tùy tiện. Khi Nhà nước sử dụng đến UBND xã thông báo trước cho ông Tý trong thời gian là 30 ngày, khi nhận được thông báo ông Tý tự giác tháo dỡ vận chuyển nguyên vật liệu đi nơi khác để trả lại mặt bằng cho Nhà nước...

Tòa án đã tiến hành xác minh liên quan đến thửa đất và được cung cấp thông tin như sau:

Phía UBND thị trấn Hồ cung cấp: Thửa đất tại xóm 3, Bến Hồ, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh hiện nay gia đình ông T, bà H đang sử dụng theo Bản đồ địa chính thị trấn Hồ năm 2010 thì thửa đất trên thuộc thửa số 204, tờ bản đồ số 21, diện tích 128,4m². Tuy nhiên qua kiểm tra sổ sách hồ sơ địa chính lưu giữ tại thị trấn Hồ thì thửa đất này không thể hiện tên chủ sử dụng đất. Qua xem xét các tài liệu bao gồm: Giấy chuyển nhượng đất viết tay ngày 06/5/99 giữa ông Nguyễn Văn Tý và ông Đoàn Xuân T; Hợp đồng cho thuê địa điểm để mở cửa hàng dịch vụ ngày 15/8/1993 giữa UBND xã Song Hồ với ông Nguyễn Văn Tý cùng với tài liệu lưu giữ tại địa phương là tờ Bản đồ địa chính 2010 chỉ thể hiện vị trí thửa đất (thửa số 204, tờ bản đồ số 21, diện tích 128,4m²). Đối chiếu với quy định của pháp luật về đất đai thì thửa đất nêu trên không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phía UBND xã Song Hồ cung cấp: Thửa đất tại xóm 3, Bến Hồ, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh (hiện nay gia đình ông T, bà H đang sử) trước đây thuộc xã Song Hồ. Đến năm 1997 thì tách xã Song Hồ và thị trấn Hồ vì vậy thửa đất này thuộc địa bàn thị trấn Hồ nên toàn bộ tài liệu liên quan đến thửa đất này UBND xã Song Hồ không còn lưu giữ.

Căn cứ theo Hợp đồng cho thuê địa điểm để mở cửa hàng dịch vụ ngày 15/8/1993 giữa UBND xã Song Hồ với ông Nguyễn Văn Tý thì thửa đất này là ông Tý được UBND xã cho thuê nên thửa đất này là đất thuê vì vậy ông Tý không được quyền chuyển nhượng.

* Tại khoản 1 Điều 30 Luật đất đai năm 1993 quy định: Đất sử dụng không có giấy tờ hợp pháp thì không được chuyển quyền sử dụng đất. Do vậy Hợp đồng cho thuê địa điểm để mở cửa hàng dịch vụ ngày 15/8/1993 giữa UBND xã Song Hồ với ông Nguyễn Văn Tý không phải là giấy tờ hợp pháp do vậy không được chuyển quyền sử dụng thửa đất trên. Hơn nữa theo quy định tại Điều 100, Điều 101 Luật đất đai năm 2013 thì thửa đất trên không đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị H.

[4] Đối với Giấy chuyển nhượng đất viết tay ngày 06/5/99 giữa ông Nguyễn Văn Tý và ông Đoàn Xuân T cũng không tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết liên quan đến việc chuyển nhượng thửa đất vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với hai con chung của ông T, bà H là chị Đoàn Diễm T1 và anh Đoàn Xuân T2 đều xác nhận thửa đất và ngôi nhà trên đất là tài sản của là bố mẹ của các anh, chị. Khi bố mẹ các anh, chị mua thửa đất và làm nhà, các anh chị vẫn còn nhỏ nên không có công sức gì đóng góp. Do vậy các anh chị không liên quan gì đến tài sản này. Trong trường hợp Tòa án đưa các anh, chị tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, các anh chị đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy không cần phải đưa chị Trang, anh Trường tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[5] Về công nợ: Không đặt ra xem xét, giải quyết do đương sự không yêu cầu.

[6] Về án phí, chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản:

Về án phí: Nguyên đơn là ông Đoàn Xuân T phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị H yêu cầu chia tài sản nhưng không được Tòa án chấp nhận nên bà H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 78.700.000 đồng. Tuy nhiên ông Đoàn Xuân T, bà Nguyễn Thị H thuộc trường hợp được miễn án phí (người cao tuổi nên) và có đơn xin miễn án phí do vậy căn cứ điểm đ khoản 1, 2 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH quy định về mức thu,

miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho ông T và tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà H.

Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Do yêu cầu chia tài sản của bà H không được chấp nhận nên bà H phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 7.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Nghị quyết 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của UBTVQH về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 14, 15, 16, 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2015;

Căn cứ Điều 147, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm đ khoản 1, 2 Điều 12, Điều 15; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH xử:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đoàn Xuân T và bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Không xem xét giải quyết do hai con chung của ông Đoàn Xuân T và bà Nguyễn Thị H là chị Đoàn Diễm T1, sinh năm 1988 và anh Đoàn Xuân T2, sinh năm 1991 đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất có diện tích 128m² tại xóm 3, Bến Hồ, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh và tài sản trên đất là 01 ngôi nhà cấp 4, lợp Prôximăng của bà Nguyễn Thị H đối với ông Đoàn Xuân T.

Về công nợ: Không đặt ra xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

Về án phí, chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản:

Miễn toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng cho ông Đoàn Xuân T và số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 78.700.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 7.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. Xác nhận bà H đã nộp đủ số tiền này tại Tòa án ngày 05/7/2022.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Thuận Thành;
- THADS huyện Thuận Thành;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thu